

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con
chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Trung Nghĩa.

- Ông Triệu Khánh Long.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Đình Hưng, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: ông Lý Đêm, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2018. Về tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST- HNGĐ ngày 05/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị S.Th.S.L., sinh năm 1984;

Địa chỉ: số 393, khóm Xẻo Me, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Tr.T., sinh năm 1983;

Địa chỉ: số 384, khóm Biển Trên, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/10/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn S.Th.S.L. trình bày: Vào năm 2011, chị kết hôn với anh Tr.T.có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/5/2014.

Sau khi kết hôn, hai người sống chung với gia đình cha mẹ ruột của chị L. tại khóm xẻo me, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống chị L. và anh T. có một người con chung tên Tr.H.T. (nam) sinh ngày 17/12/2012. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, không đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T. có hành vi bạo lực gia đình làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dẫn đến mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng và từ năm 2017 anh T. đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại khóm Biển Trên, phường Vĩnh Phước sinh sống không còn sống chung với chị L.. Nay chị S.Th.S.L. yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Triệu Tiên.

Về con chung: Tr.H.T. (nam) sinh ngày 17/12/2012 hiện tại sinh sống với chị L., chị L. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tình và không yêu cầu anh T. phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S.Th.S.L. không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải ngày 19/11/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Tr.T.trình bày: Thống nhất với lời trình bày của S.Th.S.L. về ngày tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống cũng như tình trạng cuộc sống thời gian đầu của vợ chồng. Trong quá trình chung sống đã có với nhau một đứa con chung tên: Tr.H.T. (nam) sinh ngày 17/12/2012. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng với S.Th.S.L. tuy đã xảy ra mâu thuẫn với nhau nhưng có thể hàn gắn đoàn tụ tiếp tục sống chung với nhau được. Nay S.Th.S.L. yêu cầu được ly hôn, anh Tr.T.không đồng ý vì còn thương vợ, thương con muốn tiếp tục sống chung với chị L. để cùng nhau xây dựng gia đình nuôi dạy con thật tốt và hứa sẽ khắc phục sửa chữa những lỗi lầm của mình đối với vợ con.

- Về con chung: Trường hợp giải quyết ly hôn anh Tr.T.đồng ý cho chị L. trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr.H.T. (nam) sinh ngày 17/12/2012 anh Tr.T.không phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với ý kiến trình bày của chị L. đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị S.Th.S.L. được ly hôn với anh Triệu Tiền. Giao cho chị S.Th.S.L. được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tr.H.T. (nam) sinh ngày 17/12/2012; ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị S.Th.S.L.. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn S.Th.S.L.. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, chị L. yêu cầu ly hôn với anh T. và giải quyết nuôi con chung. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Tr.T. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối gì nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn Triệu Tiền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/5/2014 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh con mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn S.Th.S.L. có kết hôn với bị đơn Tr.T. là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa chị S.Th.S.L. và anh Tr.T. đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm anh T. có hành vi bạo lực gia đình làm cho tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến chị L. và anh T. không còn tiếp tục sống chung với nhau từ năm 2017.

Tại phiên tòa, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa chị L. và anh T. không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn S.Th.S.L. và bị đơn Tr.T. thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn S.Th.S.L. đối với bị đơn Tr.T. là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị S.Th.S.L. được ly hôn với anh Triệu Tiền.

[3] Về con chung: Chị S.Th.S.L. và anh Tr.T. có với nhau một người con chung tên Tr.H.T. (nam) sinh ngày 17/12/2012 hiện đang sinh sống với chị S.Th.S.L. tại khóm Xẻo Me, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị S.Th.S.L. có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét tại thời điểm xét xử Tr.H.T. (nam) sinh ngày 17/12/2012 chưa được 7 tuổi, chưa thể hiện được ý chí của cháu muốn được tiếp tục sống chung với ai; hiện tại Tr.H.T. đang sống ổn định với chị L., được chị L. nuôi dưỡng chăm sóc từ khi mới sinh đến nay, hiện tại cuộc sống của cháu Tình đang phát triển tốt, thể chất tinh thần phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Trong khi đó, anh T. không thường xuyên chăm sóc giáo dục con chung, cụ thể là anh T. đã không còn sống chung với chị L. và không cùng chị L. trực tiếp chăm sóc cháu Tình từ đầu năm 2017 đến nay. Do đó, để cháu Tình có cuộc sống ổn định, đảm bảo được quyền lợi và sự phát triển của cháu Tình, Hội đồng xét xử áp dụng

khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Tr.H.T. cho chị S.Th.S.L. được trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị S.Th.S.L. trình bày nếu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr.H.T., chị L. không yêu cầu anh T. phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của nguyên đơn S.Th.S.L. về việc không yêu cầu bị đơn Tr.T.cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn S.Th.S.L., bị đơn Tr.T. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn S.Th.S.L. phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị S.Th.S.L. được ly hôn với anh Triệu Tiền.

2/ Về con chung: Giao cho chị S.Th.S.L. được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tr.H.T. (nam) sinh ngày 17/12/2012. Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị S.Th.S.L., về việc không yêu cầu anh Tr.T.cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian

chị L. nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: chị S.Th.S.L. và anh Tr.T. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn S.Th.S.L. phải chịu 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003995 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị S.Th.S.L. đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND phường Vĩnh Phước.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn